

DISPERBYK-2023

Mã sản phẩm: 000000000000121879

Phiên bản 3.0 SDS_VN

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần
nhất 2023/02/14

Ngày in 2025/02/24

1. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT VÀ THÔNG TIN VỀ NHÀ CUNG CẤP

Tên sản phẩm : DISPERBYK-2023

Kiểu ứng dụng (sử dụng) : Wetting & Dispersing Additive

Thông tin nhà cung cấp (nhập khẩu; sản xuất; phân phối)

Công ty : BYK-Chemie GmbH

Địa chỉ : Abelstrasse 45
46483 Wesel

Điện thoại : +49 281 670-23532

Telefax : +49 281 670-23533

Địa chỉ e-mail : GHS.BYK@altana.com

Số điện thoại liên hệ trong : +84 28 4458 2388 (Tiếng việt và tiếng anh)
trường hợp khẩn cấp +65 3158 1074 (All languages)**2. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT****Phân loại theo GHS**

Chất lỏng dễ cháy : Cấp 2

Tổn thương mắt nghiêm
trọng/kích ứng mắt : Cấp 2AĐộc tính đến cơ quan cụ thể
sau phơi nhiễm đơn : Cấp 3 (Hệ thần kinh trung ương)**Các yếu tố nhãn theo GHS**

Hình đồ cảnh báo nguy cơ :



Từ cảnh báo : Nguy hiểm

Cảnh báo nguy hiểm : H225 Hơi và chất lỏng rất dễ cháy.
H319 Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.
H336 Có thể gây buồn ngủ hoặc chóng mặt.

Các lưu ý phòng ngừa :

Biện pháp phòng ngừa:P210 Để xa các nguồn nhiệt/tia lửa/lửa /các bề mặt nóng. -
Không hút thuốc.

P233 Đóng chặt thùng chứa.

P240 Tiếp đất và kết nối tất cả các thùng chứa và thiết bị thu
nhận.P241 Sử dụng các thiết bị điện/ thông gió/ chiếu sáng/ chống
cháy nổ.

P242 Sử dụng các dụng cụ không gây ra tia lửa điện.

P243 Thực hiện các biện pháp phòng ngừa để tránh sự phóng

DISPERBYK-2023

Mã sản phẩm: 000000000000121879

Phiên bản 3.0 SDS_VN

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần
nhất 2023/02/14

Ngày in 2025/02/24

tĩnh điện.
P261 Tránh hít bụi/ khói/ khí/ sương/ hơi/ bụi nước.
P264 Rửa sạch da thật kỹ sau khi thao tác với hoá chất.
P271 Chỉ sử dụng ở ngoài trời hoặc ở khu vực có sự thông
thoáng tốt.
P280 Đeo găng tay bảo hộ/ bảo vệ mắt/ bảo vệ mặt.

Biện pháp ứng phó:

P303 + P361 + P353 NẾU DÍNH VÀO DA (hoặc tóc): Cởi bỏ
ngay tất cả các quần áo bị nhiễm bẩn. Rửa sạch da bằng
nước.
P304 + P340 + P312 NẾU HÍT PHẢI: Di chuyển nạn nhân tới
chỗ không khí thoáng mát và thoải mái để thở. Gọi đến
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT CHẤT ĐỘC/ bác sỹ nếu cảm thấy
không khỏe.
P305 + P351 + P338 NẾU TIẾP XÚC LÊN MẮT: Rửa cẩn thận
bằng nước trong vài phút. Tháo kính áp tròng nếu đang đeo và
dễ thực hiện. Tiếp tục rửa.
P337 + P313 Nếu kích ứng mắt tiếp tục kéo dài: Tìm kiếm sự
tư vấn/ chăm sóc y tế.
P370 + P378 Trong trường hợp cháy: Sử dụng cát, hóa chất
khô hoặc bọt chịu cồn để dập tắt.

Lưu trữ:

P403 + P233 Lưu trữ ở nơi có sự thông thoáng tốt. Giữ thùng
chứa luôn đóng kín.
P403 + P235 Lưu trữ ở nơi có sự thông thoáng tốt. Giữ sản
phẩm ở nhiệt độ mát.
P405 Phải khóa cẩn thận khi lưu trữ.

Việc thải bỏ:

P501 Tiêu hủy thành phần bên trong/ thùng chứa hóa chất tại
cơ sở xử lý chất thải đủ tiêu chuẩn.

Các thông tin nguy hại khác (nếu có, ví dụ: bụi nổ..)

Không có thông tin.

3. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT

Đơn chất / Hỗn hợp chất : Hỗn hợp chất
Bản chất hóa học : Solution of a copolymer with pigment affinic groups

Thành phần nguy hiểm

Tên hóa học

Tên hóa học	Số CAS	Nồng độ (% w/w)
Ethyl acetate	141-78-6	≥ 30 - < 50

4. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

Lời khuyên chung : Di chuyển ra khỏi khu vực nguy hiểm.
Đưa phiếu dữ liệu an toàn hoá chất này cho bác sỹ chăm sóc.
Không được để nạn nhân một mình.
Trường hợp tai nạn tiếp xúc : Hỏi ý kiến bác sỹ sau khi tiếp xúc nhiều.

DISPERBYK-2023

Mã sản phẩm: 000000000000121879

Phiên bản 3.0 SDS_VN

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2023/02/14

Ngày in 2025/02/24

theo đường hô hấp	Nếu bất tỉnh, đặt ở tư thế phục hồi và tìm kiếm sự giúp đỡ y tế.
Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da	: Nếu ở trên da, rửa sạch bằng nước. Nếu ở quần áo, cởi bỏ quần áo.
Trường hợp tai nạn khi tiếp xúc với mắt	: Ngay lập tức rửa mắt bằng thật nhiều nước. Gỡ bỏ kính áp tròng. Bảo vệ con mắt không bị tổn thương. Mở rộng mắt khi rửa. Liên hệ với chuyên gia nếu hiện tượng kích ứng ở mắt kéo dài.
Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa	: Giữ sạch đường hô hấp. Không cho uống sữa hoặc các đồ uống có cồn. Không đưa bất cứ cái gì vào miệng nạn nhân bị bất tỉnh. Nếu các triệu chứng vẫn còn, hãy gọi bác sĩ.
Các triệu chứng/tác hại nghiêm trọng tức thời và ảnh hưởng sau này	: Không có thông tin. Không có thông tin.
Lưu ý đối với bác sỹ điều trị	: Không có thông tin.

5. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

Các phương tiện chữa cháy thích hợp	: Bọt chịu cồn. Carbon đioxit (CO ₂) Hóa chất khô
Các phương tiện chữa cháy không thích hợp	: Tia nước dung tích lớn
Các nguy hiểm cụ thể khi chữa cháy	: Không để nước chữa cháy chảy xuống cống và ao hồ.
Các chất độc được sinh ra khi bị cháy	: Carbon ôxit Nitơ ôxit (NO _x)
Các phương pháp cứu hỏa cụ thể	: Thu gom riêng nước chữa cháy bị ô nhiễm. Nước này không được đổ vào cống thoát nước chung. Tro của vụ cháy và nước chữa cháy bị nhiễm bẩn phải được thải phù hợp với các quy định địa phương. Vì lý do an toàn trong trường hợp hỏa hoạn, các thùng chứa cần được lưu giữ riêng rẽ trong các ngăn kín. Sử dụng bụi nước để làm mát các bình chứa kín hoàn toàn.
Thiết bị bảo hộ đặc biệt dành cho lính cứu hỏa	: Đeo các dụng cụ thở cá nhân khi chữa cháy nếu cần thiết.

6. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

Trang thiết bị bảo hộ và quy trình ứng phó sự cố	: Sử dụng các thiết bị bảo hộ cá nhân. Đảm bảo sự thông hơi đầy đủ. Di chuyển tất cả các nguồn gây cháy. Di tản mọi người tới các khu vực an toàn. Lưu ý hơi tích tụ có thể tạo thành các đám dễ nổ. Hơi có thể tích tụ tại nơi ẩm thấp.
Các cảnh báo về môi trường	: Ngăn ngừa không cho sản phẩm đi vào hệ thống cống rãnh. Ngăn ngừa việc rò rỉ hoặc tràn đổ tiếp theo nếu việc làm này an toàn. Nếu sản phẩm làm ô nhiễm sông, hồ hoặc đường dẫn nước, hãy thông báo cho các cơ quan hữu quan.

DISPERBYK-2023

Mã sản phẩm: 000000000000121879

Phiên bản 3.0 SDS_VN

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2023/02/14

Ngày in 2025/02/24

Biện pháp, vật liệu vệ sinh sau khi xảy ra sự cố : Kiểm chế chất tràn đổ, sau đó thu gom bằng vật liệu thấm không cháy (e.g. cát, đất, đất diatomit, chất khoáng) và giữ trong thùng chứa để tiêu hủy theo quy định nhà nước/địa phương (xem phần 13).

7. YÊU CẦU VỀ SỬ DỤNG, BẢO QUẢN

Lời khuyên khi bảo vệ khỏi cháy nổ : Không được phun lên ngọn lửa trần hoặc các vật liệu nóng sáng khác. Tiến hành các hoạt động cần thiết để tránh việc phóng tĩnh điện (có thể gây cháy các hơi hữu cơ). Chỉ sử dụng các thiết bị chống nổ. Để xa các ngọn lửa trần, các bề mặt nóng và các nguồn gây cháy.

Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm : Tránh tạo ra aerosol. Không được hít hơi/bụi. Tránh tiếp xúc với da và mắt. Về bảo hộ cá nhân, xem phần 8. Cấm hút thuốc, ăn uống tại khu vực sử dụng. Thực hiện các biện pháp phòng ngừa để tránh sự phóng tĩnh điện. Cung cấp đủ sự trao đổi không khí và/hoặc ống xả khí trong các phòng làm việc. Chỉ mở bình chứa dưới nắp đậy của ống xả thông gió. Mở các thùng chứa cẩn thận vì có thể có áp suất bên trong. Thải loại nước rửa theo các quy định của quốc gia và địa phương.

Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản : Không hút thuốc. Đóng kín bình chứa, đặt tại nơi khô ráo và thông gió tốt. Các bình chứa đã mở phải được đóng gán lại cẩn thận và giữ theo chiều thẳng đứng để tránh rò rỉ. Quan sát các cảnh báo ghi trên nhãn. Việc lắp đặt thiết bị điện / vật liệu đang làm việc phải tuân theo tiêu chuẩn an toàn về công nghệ.

8. KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM/YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

Các thành phần có các thông số cần kiểm soát tại nơi làm việc

Thành phần	Số CAS	Loại giá trị (Dạng phơi nhiễm)	Các thông số kiểm soát / Nồng độ cho phép	Cơ sở
Ethyl acetate	141-78-6	TWA	400 ppm	ACGIH

Biện pháp và thiết bị bảo hộ cá nhân

Bảo vệ hô hấp : Trong trường hợp có hơi được tạo ra, sử dụng mặt nạ phòng độc có bộ lọc đủ tiêu chuẩn.

Bảo vệ tay :
Vật liệu : cao su butyl
Thời gian thấm : 120 min

Ghi chú : Mang găng tay thích hợp.

DISPERBYK-2023

Mã sản phẩm: 000000000000121879

Phiên bản 3.0 SDS_VN

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần
nhất 2023/02/14

Ngày in 2025/02/24

Bảo vệ mắt	: Chai rửa mắt đựng nước tinh khiết Kính bảo hộ vừa khít Đeo mạng che mặt và bộ quần áo bảo hộ phù hợp khi có các vấn đề bất thường.
Bảo vệ da và cơ thể	: Quần áo không thấm. Chọn đồ bảo hộ theo số lượng và nồng độ các chất nguy hiểm tại nơi làm việc.
Các biện pháp vệ sinh	: Không được ăn hoặc uống khi sử dụng. Không hút thuốc khi sử dụng. Rửa tay trước khi nghỉ giải lao và vào cuối ngày làm việc.

9. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT

Trạng thái	: thể lỏng
Màu sắc	: màu hổ phách
Mùi đặc trưng	: đặc tính
Ngưỡng mùi	: chưa có dữ liệu
Độ pH	: 6 (20 °C) Nồng độ: 1 % Phương pháp: Universal pH-value indicator
Điểm/khoảng nóng chảy	: < 5 °C Phương pháp: derived
Điểm sôi ban đầu	: 77 °C Phương pháp: derived
Điểm cháy	: -4 °C Phương pháp: 48 (Abel-Pensky)
Tỷ lệ hóa hơi	: chưa có dữ liệu
Tính dễ cháy (chất lỏng)	: Duy trì sự cháy
Giới hạn trên của cháy nổ	: chưa có dữ liệu
Giới hạn dưới của cháy nổ	: chưa có dữ liệu
Áp suất hóa hơi	: 98 hPa (20 °C) Phương pháp: derived
Tỷ trọng hơi tương đối	: chưa có dữ liệu
Tỷ trọng tương đối	: chưa có dữ liệu
Mật độ	: 0,988 g/cm ³ (20 °C, 1.013 hPa) Phương pháp: 4 deaerated (20°C oscillating U-tube)
Mật độ lớn	: Không áp dụng được
Độ hòa tan	
Độ hòa tan trong nước	: có thể chuyển thành thể nhũ tương
Độ hòa tan trong các dung	: chưa có dữ liệu

DISPERBYK-2023

Mã sản phẩm: 000000000000121879

Phiên bản 3.0 SDS_VN

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần
nhất 2023/02/14

Ngày in 2025/02/24

môi khác	
Hệ số phân tán: n-octanol/nước	: chưa có dữ liệu
Nhiệt độ tự cháy	: > 200 °C Phương pháp: M0062 (Analytics Wesel)
Nhiệt độ phân hủy	: chưa có dữ liệu
Độ nhớt	
Độ nhớt, động lực	: 853 mPa.s (20 °C) Phương pháp: P/K 20°C

10. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ PHẢN ỨNG CỦA HÓA CHẤT

Khả năng phản ứng	: Không phân hủy nếu được lưu trữ và ứng dụng như chỉ dẫn.
Tính ổn định	: Không phân hủy nếu được lưu trữ và ứng dụng như chỉ dẫn.
Phản ứng nguy hiểm	: Không phân hủy nếu được lưu trữ và ứng dụng như chỉ dẫn. Hơi có thể tạo hỗn hợp dễ nổ khi tiếp xúc với không khí.
Các điều kiện cần tránh	: Nhiệt, lửa và tia lửa.
Vật liệu không tương thích	: Các chất oxy hóa mạnh Axit mạnh Các bazơ mạnh Các kim loại kiềm
Phản ứng phân hủy và các sản phẩm độc của phản ứng phân hủy	: Không phân hủy nếu được lưu trữ và ứng dụng như chỉ dẫn.

11. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH**Độc cấp tính****Sản phẩm:**

Độc tính cấp theo đường miệng : Ghi chú: chưa có dữ liệu

Tổn thương mắt nghiêm trọng/kích ứng mắt**Sản phẩm:**

Ghi chú: Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.

Kích thích hô hấp hoặc da**Sản phẩm:**

Ghi chú: chưa có dữ liệu

Độc biến tế bào mầm (tế bào gen)**Sản phẩm:**

Độc tính gây đột biến gen trong ống thí nghiệm : Ghi chú: chưa có dữ liệu

Độc tính gây đột biến gen trong cơ thể : Ghi chú: chưa có dữ liệu

DISPERBYK-2023

Mã sản phẩm: 000000000000121879

Phiên bản 3.0 SDS_VN

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần
nhất 2023/02/14

Ngày in 2025/02/24

Tác nhân gây ung thư**Sản phẩm:**

Ghi chú: chưa có dữ liệu

Độc tính sinh sản**Sản phẩm:**Ảnh hưởng đến khả năng : Ghi chú: chưa có dữ liệu
sinh sảnẢnh hưởng đến sự phát triển : Ghi chú: chưa có dữ liệu
của thai**STOT - Tiếp xúc một lần****Sản phẩm:**

Ghi chú: chưa có dữ liệu

STOT - Tiếp xúc lặp lại**Sản phẩm:**

Ghi chú: chưa có dữ liệu

Lượng độc lặp lại**Sản phẩm:**

Ghi chú: chưa có dữ liệu

Độc tính hô hấp**Sản phẩm:**

chưa có dữ liệu

Thông tin khác**Sản phẩm:**Ghi chú: Các triệu chứng của phơi nhiễm quá mức có thể là đau đầu, hoa mắt, mệt mỏi, buồn
nôn và nôn mửa.

Các nồng độ cao hơn đáng kể ngưỡng giá trị tới hạn TLV có thể gây mê man.

Dung môi có thể gây mất mỡ da.

12. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI**Độc môi trường****Sản phẩm:**

Độc đối với cá

:
Ghi chú: chưa có dữ liệuĐộc tính đối các loài giáp xác :
và các động vật không
xương sống thủy sinh khác

Ghi chú: chưa có dữ liệu

DISPERBYK-2023

Mã sản phẩm: 000000000000121879

Phiên bản 3.0 SDS_VN

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2023/02/14

Ngày in 2025/02/24

Tính bền vững, khó phân hủy và khả năng phân hủy

Sản phẩm:

Tính phân hủy sinh học : Ghi chú: chưa có dữ liệu

Khả năng tích lũy sinh học

Sản phẩm:

Tính tích lũy sinh học : Ghi chú: chưa có dữ liệu

Độ linh động trong đất

chưa có dữ liệu

Các tác hại khác

Sản phẩm:

Các thông tin sinh thái khác : chưa có dữ liệu

13. THÔNG TIN VỀ THẢI BỎ

Các biện pháp thải bỏ

Chất thải từ cặn : Không thải loại chất thải vào các hệ thống thoát nước thải
Không làm nhiễm bẩn các ao nước, luồng nước hoặc hệ thống mương rãnh bởi các chất hoá học hoặc các thùng chứa đã qua sử dụng
Gửi đến cho một công ty xử lý chất thải có giấy phép

Bao bì nhiễm độc : Loại bỏ các thành phần còn lại.
Loại bỏ như đối với sản phẩm không sử dụng.
Không tái sử dụng các thùng chứa rỗng.
Không sử dụng hoặc đốt đèn trên thùng rỗng.

14. THÔNG TIN KHI VẬN CHUYỂN

Quy định Quốc tế

UNRTDG

Số hiệu UN : UN 1173
Tên vận chuyển thích hợp : ETHYL ACETATE SOLUTION
Hạng : 3
Nhóm hàng : II
Nhãn : 3

IATA-DGR

Số UN/ID : UN 1173
Tên vận chuyển thích hợp : Ethyl acetate, solution
Hạng : 3
Nhóm hàng : II
Nhãn : Flammable Liquids
Hướng dẫn đóng gói (hàng hóa máy bay) : 364
Hướng dẫn đóng gói (hành : 353

DISPERBYK-2023

Mã sản phẩm: 000000000000121879

Phiên bản 3.0 SDS_VN

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần
nhất 2023/02/14

Ngày in 2025/02/24

khách máy bay)

Mã IMDG

Số hiệu UN : UN 1173
Tên vận chuyển thích hợp : ETHYL ACETATE, SOLUTION
Hạng : 3
Nhóm hàng : II
Nhãn : 3
Mã EmS : F-E, S-D
Chất ô nhiễm đại dương : không
Ghi chú : IMDG Code segregation group - none

Vận chuyển trong tàu lớn theo như Phụ lục II của Công ước MARPOL 73/78 và Bộ luật IBC
Không áp dụng cho sản phẩm khi được cung cấp.

15. THÔNG TIN VỀ PHÁP LUẬT**Các thông tin pháp luật về an toàn, sức khỏe và môi trường đối với hóa chất**

Luật Hóa Chất số 06/2007/QH12

16. CÁC THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC, BAO GỒM CÁC THÔNG TIN KHI XÂY DỰNG VÀ HIỆU ĐÍNH PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT**Toàn bộ nội dung các cụm từ viết tắt khác**

AIIC - Kiểm kê Hóa chất Công nghiệp Úc; ANTT - Cơ quan Quốc gia về Vận tải trên Đất liền của Brazil; ASTM - Hiệp hội Hoa Kỳ về Thử nghiệm Vật liệu; bw - Trọng lượng cơ thể; CMR - Chất gây ung thư, chất gây đột biến hoặc ngộ độc sinh sản; DIN - Tiêu chuẩn của Viện Tiêu chuẩn hóa của Đức; DSL - Danh sách các Chất Nội địa (Canada); ECx - Nồng độ liên quan đến x% đáp ứng; ELx - Tốc độ chất liệu liên quan đến x% đáp ứng; EmS - Bảng Tình trạng khẩn cấp; ENCS - Hóa chất Hiện có và Mới (Nhật Bản); ErCx - Nồng độ liên quan đến x% đáp ứng tốc độ tăng trưởng; ERG - Hướng dẫn Phản ứng Tình trạng khẩn cấp; GHS - Hệ thống Hải hòa Toàn cầu; GLP - Thực hành tốt phòng kiểm nghiệm; IARC - Cơ quan Nghiên cứu Ung thư Toàn cầu; IATA - Hiệp hội Hàng không Toàn cầu; IBC - Mã Quốc tế về Xây dựng và Thiết bị Tàu chuyên chở Hóa chất Độc hại; IC50 - Nồng độ ức chế tối đa 50% tăng trưởng ở đối tượng thử nghiệm; ICAO - Tổ chức Hàng không Dân dụng Quốc tế; IECSC - Kiểm kê Hóa chất Hiện có tại Trung Quốc; IMDG - Hàng hải Quốc tế về Hàng nguy hiểm; IMO - Tổ chức Hàng hải Quốc tế; ISHL - Luật Sức khỏe và An toàn ngành (Nhật Bản); ISO - Tổ chức Tiêu chuẩn hóa Quốc tế; KECI - Kiểm kê Hóa chất hiện có Hàn Quốc; LC50 - Nồng độ gây chết người đối với 50% đối tượng được thử nghiệm; LD50 - Liều lượng gây chết người đối với 50% đối tượng được thử nghiệm (Liều lượng Gây chết người Trung bình); MARPOL - Quy ước Quốc tế về Phòng chống Ô nhiễm từ Tàu thuyền; n.o.s. - Không được Quy định Khác; Nch - Tiêu chuẩn Chile; NO(A)EC - Không quan sát thấy nồng độ gây tác dụng (bất lợi); NO(A)EL - Không quan sát thấy mức độ gây tác dụng (bất lợi); NOELR - Không quan sát thấy tốc độ chất liệu gây tác dụng phụ; NOM - Tiêu chuẩn Chính thức Mexico; NTP - Chương trình Độc học Quốc gia; NZIoC - Kiểm kê Hóa chất New Zealand; OECD - Tổ chức phát triển và hợp tác kinh tế; OPPTS - Văn phòng phòng chống ô nhiễm và an toàn hóa học; PBT - Chất Độc hại, Bền và Khó phân hủy; PICCS - Kiểm kê Hóa chất Philippines; (Q)SAR - (Định lượng) Mối quan hệ Hoạt động Cấu trúc; REACH - Quy định (EC) Số 1907/2006 của Hội đồng và Nghị viện châu Âu về Đăng ký, Đánh giá, Cấp phép và Hạn chế Hóa chất; SADT - Nhiệt độ Phân hủy Tự tăng tốc; SDS - Phiếu an toàn hóa chất; TCSI - Kiểm kê Hóa chất Đài Loan; TDG - Vận chuyển Hàng hóa Nguy hiểm; TECI - Bảng kê khai tồn kho hóa chất hiện tại của Thái Lan; TSCA - Đạo luật Kiểm soát Độc chất (Hoa Kỳ); UN - Liên Hiệp Quốc; UNRTDG - Khuyến nghị của Liên hiệp quốc về Vận chuyển Hàng hóa Nguy hiểm; vPvB - Rất bền và rất Khó phân hủy; WHMIS - Hệ thống Thông tin An toàn Hóa chất Nơi làm việc

DISPERBYK-2023

Mã sản phẩm: 000000000000121879

Phiên bản 3.0 SDS_VN

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần
nhất 2023/02/14

Ngày in 2025/02/24

Định dạng ngày tháng : năm/tháng/ngày

Các thông tin này dựa trên hiểu biết hiện nay của chúng tôi do đó không chắc chắn đối với một số đặc tính nhất định.